

Bản án số: 109/2017/DSPT

Ngày: 13-7-2017

V/v Tranh chấp hợp đồng đặt cọc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Trường

Bà Đặng Duy Mỹ Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Thúy Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Trần Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2017/TLPT-DS, ngày 15 tháng 5 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2017/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 138/2017/QĐ-PT, ngày 26 tháng 5 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Ấp X, xã Y, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Lê Văn B – Giám đốc Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn một Thành viên A, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Văn M, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Thanh T2 – Là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 09/8/2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn T1 trình bày: Vào ngày 11/4/2016 ông T1 và ông Nguyễn Văn T2 có thỏa thuận lập “Hợp đồng mua bán lúa”, theo thỏa thuận ông T1 mua lúa của ông T2, với giá lúa là 4.650 đồng/kg trên tổng diện tích 200 công đất ruộng, ông T1 đưa trước cho ông T2 số tiền cọc

40.000.000đồng. Trong hợp đồng mua bán có thỏa thuận ngày 26/4/2016 cắt lúa, ngày 27/4/2016 cân lúa, nếu ông T1 không cân lúa thì sẽ mất tiền cọc và ông T2 không cân lúa cho ông T1 thì sẽ bồi thường gấp đôi số tiền cọc 40.000.000đồng, trường hợp mưa gió ướt lúa thì thỏa thuận lại giá cả. Nếu bên bán không giao lúa đúng hợp đồng thì trả tiền cọc lại cho bên mua. Việc thỏa thuận mua bán lúa nêu trên có ông Huỳnh Văn M chứng kiến và ký tên vào hợp đồng. Sau đó, do thời tiết mưa gió làm ngã lúa, nên ông T2 và ông T1 có thỏa thuận lại giá lúa còn 4.350 đồng/kg, tương đương 87.000 đồng/gia lúa. Việc thỏa thuận giảm giá lúa hai bên chỉ nói miệng. Đến ngày 27/4/2016 cân lúa nhưng do thời tiết mưa gió nên đến ngày 29/4/2016 ông T1 mới đến cân lúa. Sau đó ông T2 nâng giá lúa lên 4.450 đồng/kg tương đương 89.000 đồng/gia lúa, ông T1 đồng ý mua lúa với giá 89.000 đồng/gia lúa trước sự chứng kiến của chính quyền địa phương, ông T1 yêu cầu cân lúa thì ông T2 ngăn cản, sau đó ông T1 được biết ông T2 đã bán lúa cho người khác. Nay ông T1 yêu cầu ông Nguyễn Thanh T2 có trách nhiệm hoàn trả số tiền đặt cọc lúa 40.000.000 đồng. Ngoài ra không có ý kiến gì khác.

- *Tại Tờ tường trình ngày 04/10/2016 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Thanh T2 trình bày:* Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn Nguyễn Văn T1 về thời gian lập hợp đồng mua bán, về giá tiền, về số tiền đặt cọc, về thời gian cân lúa, thời gian cắt lúa, về các thỏa thuận khác có trong hợp đồng. Sau khi ký kết hợp đồng, đến ngày 26/4/2016 và ngày 27/4/2016 các chủ ruộng có cắt lúa nhưng ông T1 không đến. Ông T1 yêu cầu giảm giá còn 85.000đồng/gia, nhưng chủ lúa chỉ đồng ý bán giá 87.000đồng/gia. Đến ngày 29/4/2016, ông T2 và các chủ ruộng có điện thoại kêu ông T1 đến thỏa thuận lại giá, hai bên có thương lượng lại giá nhưng không thành, sau đó ông T1 nói bỏ tiền đặt cọc và không lấy lúa có sự chứng kiến của các chủ ruộng nên các chủ ruộng đã bán lúa cho các chủ ghe khác. Do ông T1 không thực hiện theo đúng hợp đồng nên ông T2 không đồng ý trả tiền cọc 40.000.000 đồng cho ông Trí.

- *Tại tờ tường trình ngày 29/11/2016 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Huỳnh Văn M trình bày:* Giữa ông T1 và ông T2 thỏa thuận về việc mua bán lúa như thế nào thì ông M không biết, nhưng ông T2 có gặp ông M để bỏ cọc lúa với giá 93.000 đồng/gia. Ông M nhận một công là 200.000 đồng, ông M nhận tiền cọc là 2.600.000 đồng. Ông T1 yêu cầu mua lúa với giá 85.000 đồng/gia nhưng ông không bán, ông T1 nói không mua nổi chắc bỏ cọc, sau đó ông M chờ đến 3 ngày sau nhưng ông T1 không đến lấy, sau đó ông M yêu cầu ông T2 là cò lúa bỏ cọc ban đầu và bán cho lái khác.

- *Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2017/DS-ST ngày 28/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:*

Căn cứ vào các Điều 91, 93, 95, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 121, 122, 128, 137, 256, 358, 428, 410 của Bộ luật dân sự năm 2005; Căn cứ vào Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T1. Vô hiệu hợp đồng mua bán lúa ngày 11/4/2016 giữa ông Nguyễn Văn T1 với ông Nguyễn Thanh T2 (Nguyễn Văn T2). Ông Nguyễn Thanh T2 phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn T1 số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng). Ông T2 có quyền khởi kiện các chủ ruộng bằng một vụ kiện khác theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 10/4/2017 bị đơn Nguyễn Thanh T2 kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T1 vì ông T2 là người đại diện cho các hộ nông dân để giao kết hợp đồng mua bán lúa với ông T1, phía ông T1 có đặt cọc số tiền 40.000.000đồng, hai bên thống nhất cắt lúa vào ngày 26/4/2017 và cân lúa ngày 27/4/2017. Nhưng ngày 27/4/2017 ông T1 không đến cân lúa đồng nghĩa với việc ông T1 bỏ tiền đặt cọc. Nên bị đơn không đồng ý trả số tiền 40.000.000đồng cho ông Nguyễn Văn T1. Ngoài ra ông T2 làm đơn xin miễn giảm án phí vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn Nguyễn Văn T1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông T2 trả lại số tiền 40.000.000đồng. Bị đơn Nguyễn Thanh T2 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo không đồng ý trả cho ông T1 số tiền 40.000.000đồng. Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Nguyễn Thanh T2 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T2 .

Vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng nhiệm vụ theo đúng quy định pháp luật; Các đương sự và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm; Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về phân bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo và đề nghị bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thanh T2, nhưng xét đơn xin miễn giảm án phí của đương sự là có căn cứ nên đề nghị giảm án phí cho đương sự Nguyễn Thanh T2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh tụng và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T2 làm đơn kháng cáo trong hạn luật định nên được xem xét nội dung kháng cáo theo quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn M đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Nên xét xử vắng mặt ông Huỳnh Văn M theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Điều Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Bị đơn Nguyễn Thanh T2 kháng cáo không đồng ý trả cho ông Nguyễn Văn T1 số tiền 40.000.000đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Vào ngày 11/4/2016 ông T1 và ông T2 ký kết hợp đồng mua bán lúa với nội dung ông T2 thỏa thuận bán cho ông T1 loại lúa 50 với giá tiền là 4.650 đồng/kg trên diện tích 200 công đất. Hai bên thỏa thuận ngày 26/4/2016 cắt lúa, ngày 27/4/2016 cân lúa. Trong hợp đồng có thỏa thuận bên mua không cân lúa thì bỏ tiền cọc, bên bán không cân lúa thì bồi thường tiền cọc gấp đôi, trừ trường hợp mưa gió ướm lúa thì hai bên thỏa thuận giá cả lại, nếu bên bán không đồng ý thì trả tiền cọc cho bên mua, nếu bên bán không giao lúa đúng hợp đồng thì trả tiền cọc lại cho bên mua.

Nguyên đơn Nguyễn Văn T1 và bị đơn Nguyễn Thanh T2 đều có lời khai thừa nhận ngày 27/4/2016 trời có mưa, lúa bị ướm nên hai bên có thỏa thuận lại giá lúa nhưng không thành. Tại biên bản ngày 05/6/2016 (Bút lục số 18) do trưởng ban nhân dân ấp Mỹ Hòa xã Nguyễn Văn Thạnh huyện Bình Tân lập biên bản đã ghi: Nguyên nhân là do thời tiết mưa gió nên ông T2 và ông T1 có thương lượng về giảm giá lúa nhưng không thành nên giữa ông T2 và ông T1 xảy ra cự cãi về giá lúa, ông T2 bán lúa cho thương lái khác. Đồng thời tại biên bản hòa giải ngày 22/7/2016 do tổ hòa giải ấp Mỹ Hòa, xã Nguyễn Văn Thạnh lập (Bút lục 20-21) nguyên đơn ông T1 khai do hai bên thỏa thuận lại giá nhưng không thành nên ông T2 bán lúa cho người khác; ông T2 khai do ông T1 không chịu mua giá lúa 87.000đ/gia nên ông T2 bán lúa cho người khác. Như vậy có căn cứ xác định do thời tiết bị mưa nên giá lúa có giảm, hai bên có thỏa thuận lại giá lúa. Việc thỏa thuận lại giá lúa phù hợp với nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng mua bán ngày 11/4/2016 “trừ trường hợp mưa gió ướm lúa thì hai bên thỏa thuận giá cả lại” (Bút lục 19) phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 431 Bộ luật dân sự 2005.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T2 khai sau khi thỏa thuận giá lúa không thành, ông T1 nói bỏ tiền đặt cọc có sự chứng kiến của các chủ ruộng nên ông T2 và các chủ ruộng đã bán lúa cho người khác. Tuy nhiên xét lời khai của những người làm chứng Lê Thị N, Nguyễn Thanh D, Nguyễn Ngọc T tại phiên tòa phúc thẩm không có sự thống nhất, trong khi ông T1 không thừa nhận việc bỏ tiền cọc khi thỏa thuận giá lúa không thành và ông T2 đã bán lúa cho người khác nên chưa đủ cơ sở để chấp nhận lời trình bày của ông T2 .

Xét việc ông T1 có đưa trước cho ông T2 số tiền 40.000.000đồng để đặt cọc cho việc mua lúa, nhưng do thời tiết bị mưa nên giá lúa có giảm, hai bên có thỏa thuận lại giá lúa không thành nên ông T2 bán lúa cho người khác. Việc không thực hiện được việc mua bán là do hai bên không thống nhất về giá cả. Vì vậy ông T1 đòi ông T2 trả lại số tiền 40.000.000đồng là có căn cứ phù hợp theo quy định tại Điều 358 Bộ luật dân sự 2005. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thanh T2, buộc ông T2 phải giao trả lại cho ông T1 tổng số tiền đặt cọc mua lúa là 40.000.000đồng.

[3] Xét đơn xin miễn giảm án phí của bị đơn Nguyễn Thanh T2 có xác nhận của chính quyền địa phương về hoàn cảnh kinh tế của ông T2 có khó khăn (Bút lục số 94). Nên Hội đồng xét xử thống nhất xem xét chấp nhận giảm cho ông T2 50% án phí dân sự sơ thẩm phải chịu.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm, nên ông Nguyễn Thanh T2 không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm về vô hiệu hợp đồng mua bán lúa ngày 11/4/2016 giữa ông Nguyễn Văn T1 với ông Nguyễn Thanh T2; về hoàn trả tiền nộp tạm ứng án phí cho ông Nguyễn Văn T1; về việc dành cho ông T2 quyền khởi kiện đối với các chủ ruộng đã nhận tiền của ông T2; về lãi suất chậm trả không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 308, Điều 309, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 358 và khoản 1 Điều 431 của Bộ luật dân sự 2005.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thanh T2. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2017/DS-ST ngày 28/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long về phần án phí dân sự sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn T1. Buộc ông Nguyễn Thanh T2 có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn T1 số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

2. Về án phí: Buộc bị đơn Nguyễn Thanh T2 phải nộp 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ông T2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Số tiền án phí mà ông T2 phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0011692 ngày 10/4/2017 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Ông Nguyễn Thanh T2 còn phải nộp 700.000 đồng (Bảy trăm ngàn đồng) án phí.

3. Các quyết định khác của án sơ thẩm về vô hiệu hợp đồng mua bán lúa ngày 11/4/2016 giữa ông Nguyễn Văn T1 với ông Nguyễn Thanh T2; về hoàn trả tiền nộp tạm ứng án phí cho ông Nguyễn Văn T1; về việc dành cho ông T2 quyền khởi kiện đối với các chủ ruộng đã nhận tiền của ông T2; về lãi suất chậm trả không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao: 01;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- Tổ nghiệp vụ: 01;
- TAND h. Bình Tân; 01;
- Chi cục THADS h. Bình Tân; 01;
- Đ/s: 03;
- Lưu hồ sơ vụ án: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRẦN THỊ THÚY HỒNG